

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/4/2026  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Thắm và ông Nguyễn Đức Long.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - **N** sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị Thanh H**, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: **Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh **Đoàn Văn H1**, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: **Thôn A H, xã V, tỉnh Ninh Bình**. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - chị **Đỗ Thị Thanh H**; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn - anh **Đoàn Văn H1**; nội dung vụ án được xác định như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/3/2021 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam**, nay là **Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình**.

\* **Ý kiến của chị **Đỗ Thị Thanh H**:** Sau khi ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 - 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh **H1** ham mê đầu tư chơi tiền ảo trên mạng Internet, dẫn đến thua lỗ, không có tiền đưa chị để nuôi con, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh **H1** không nghe,

còn đi vay nợ Ngân hàng để đầu tư nhưng đều bị thua lỗ hết. Mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và kéo dài. Đến tháng 02/2024, chị xác định không thể tiếp tục chung sống được với anh **H1** được nữa nên đã bế con bỏ về nhà bố mẹ để chị ở **thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình** để sinh sống và ly thân với anh **H1** từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh **H1**.

\* *Ý kiến của anh **Đoàn Văn H1***: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình do vợ chồng bất đồng qua điểm, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau. Đến đầu năm 2024, sau khi vợ chồng xảy ra cãi nhau căng thẳng, chị **H** tự bỏ về nhà bố mẹ để chị **H** ở **thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình** và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị **H** đề nghị ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị **H**.

**1.2. Về con chung:** Chị **H** và anh **H1** đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu **Đoàn Đức P**, sinh ngày 03/10/2021, hiện nay đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn: Chị **H** đề nghị giao cháu **P** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập và yêu cầu anh **H1** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cho chị là 2.000.000 đồng/tháng cho đến cháu **P** đủ 18 tuổi. Anh **H1** đề nghị giao cháu **P** cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập và không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Chị **H** và anh **H1** đều xác nhận vợ chồng không nhận con nuôi; không ai có con riêng.

**1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1** đều tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

**2. Tại phiên toà:** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân

sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1**.

+ Về con chung: Giao cháu **Đoàn Đức P**, sinh ngày 03/10/2021 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **P** cho chị **H** là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2026 cho tới khi cháu **P** đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng.

+ Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn cư trú tại **thôn A H, xã V, tỉnh Ninh Bình** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do nguyên đơn - chị **Đỗ Thị Thanh H** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn - anh **Đoàn Văn H1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về giải quyết vụ án:**

**[2.1] Về hôn nhân:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/3/2021 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam**, nay là **Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Ninh Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 đến 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **H1** bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chị **H**, anh **H1** sống ly thân, không còn quan tâm,

chăm sóc đến nhau từ khoảng cuối tháng 02/2024 đến nay. Xét thấy anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều mong muốn được ly hôn nên khả năng anh chị về đoàn tụ là không còn. Xử cho chị **H**, anh **H1** thuận tình ly hôn là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1** có 01 con chung là cháu **Đoàn Đức P**, sinh ngày 03/10/2021, hiện nay đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc nuôi con vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ nhưng cũng là quyền chính đáng của cha mẹ. Trong vụ án, chị **H** và anh **H1** đều mong muốn được nuôi con chung. Tuy nhiên, xét điều kiện thu nhập, chị **H** hiện nay đang làm công nhân, thu nhập bình quân là 9.500.000 đồng/tháng; anh **H1** khai đang làm thợ cơ khí, thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/tháng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đồng thời xét thấy cháu **P** còn nhỏ tuổi và cháu đang được chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị **H**: Giao cháu **P** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh **H1** phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu **P** cho chị **H** là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

**[4] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1** đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này.

**[5] Án phí ly hôn sơ thẩm:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1**.

**2. Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của chị **Đỗ Thị Thanh H**; giao cháu **Đoàn Đức P**, sinh ngày 03/10/2021 cho chị **Đỗ Thị Thanh H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Đoàn Văn H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu **P** cho chị **H** là

2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu **P** đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Chị **H** và các thành viên trong gia đình chị **H** không được cản trở anh **H1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **P**.

### 3. Về án phí:

- **Án lý hôn sơ thẩm:** Chị **Đỗ Thị Thanh H** và anh **Đoàn Văn H1**, mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

- **Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Anh **Đoàn Văn H1** phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Chuyển 75.000 đồng trong tổng số 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **Đỗ Thị Thanh H** đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu số 0003416 ngày 05/12/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị **H** phải chịu. Hoàn trả chị **Đỗ Thị Thanh H** 225.000 đồng.

Chị **H** đã thi hành xong phần án phí. Anh **H1** chưa thi hành phần án phí anh **H1** phải chịu.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 6 - Ninh Bình;
- UBND xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Trần Anh Dũng**